TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 110/2019/DS-ST
Ngày 04 – 9 – 2019
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NH DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Càn

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Hà

Ông Nguyễn Văn Hiển

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Ánh Hồng là Thư ký Tòa án nH dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 04/9/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 231/2019/TLST-DS ngày 18 tháng 6 năm 2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 324/2019/QĐXXST-DS ngày 07/8/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 212/2019/QĐST-DS ngày 19/8/2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Đào Tuấn K, sinh năm 1976. Cư trú tại: Ấp T1, xã T2, huyện Đ3, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn*:

1. Chị Nguyễn Kim T, sinh năm 1975. Cư trú tại: Khóm X, thị trấn Đ4, huyện Đ3, tỉnh Cà Mau (có mặt).

2. Anh Tiêu Quốc V, sinh năm 1968 (đã chết).

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của anh V:

+ Chị Nguyễn Kim T, sinh năm 1975. Cư trú tại: Khóm X, thị trấn Đ4, huyện Đ3, tỉnh Cà Mau (có mặt).

+ Cháu Tiêu Khuê Gia M, sinh năm 2006. Cư trú tại: Khóm X, thị trấn Đ4, huyện Đ3, tỉnh Cà Mau (có mặt).

+ Cháu Tiêu Khuê Gia H, sinh năm 2009. Cư trú tại: Khóm X, thị trấn Đ4, huyện Đ3, tỉnh Cà Mau (có mặt).

Đại diện hợp pháp của Gia H và Gia M: Chị Nguyễn Kim T, sinh năm 1975. Cư trú tại: Khóm X, thị trấn Đ4, huyện Đ3, tỉnh Cà Mau (mẹ ruột).

+ Ông Tiêu Minh T1, sinh năm 1940. Cư trú tại: Ấp T3, xã N, huyện Đ3, tỉnh Cà Mau.

+ Bà Trần Thị Đ, sinh năm 1941. Cư trú tại: Ấp T3, xã N, huyện Đ3, tỉnh Cà Mau.

Đại diện theo ủy quyền của ông T1 và bà Đ: Chị Tiêu Ngọc Đ1, sinh năm 1968. Cư trú tại: Ấp T4, xã T5, huyện Đ3, tỉnh Cà Mau – văn bản ủy quyền ngày 16/8/2019 (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ có liên quan*: Chị Tiêu Kiều P, sinh năm 1976. Cư trú tại: Ấp T6, xã T7, huyện Đ3, tỉnh Cà Mau (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của anh Đào Tuấn K tại phiên tòa thể hiện:*

Trước đây, chị Nguyễn Kim T (vợ anh Tiêu Quốc V) liên hệ qua điện thoại mượn tiền và thời gian sau anh V gặp cũng đặt vấn đề mượn tiền nhưng không nói bao nhiêu; vào ngày 15/5/2018 anh K đến Ngân hàng rút tiền cùng với anh V, sau đó anh K đem tiền đến nhà anh V, chị T tại khóm 5, thị trấn Đầm Dơi cho mượn số tiền 150.000.000 đồng nhưng không làm giấy tờ (do anh K là em rể của anh V). Khi cho mượn chỉ có anh K với anh V, chị T cùng các con của anh V, chị T, ngoài ra không có ai chứng kiến và thỏa thuận đến cuối năm 2018 sẽ trả lại.

Đến tháng 11/2018, anh V bị bệnh chết, khi gần đám 49 ngày thì chị T liên hệ qua điện thoại và nói không có khả năng trả nên bàn với anh Tiêu Phú Đ (em anh V) để chị T cố phần đất mà anh V cùng mua với anh Đ trước đó (Giấy chứng nhận do anh Đ đứng tên) nên đã hẹn gặp thỏa thuận việc cố đất. Khi gặp, anh Đ thống nhất để chị T cố phần đất cho anh K thời hạn 10 năm với giá là 450.000.000 đồng, đối trừ số tiền cho mượn trước thì chị T yêu cầu đưa thêm 300.000.000 đồng, khi hết thời hạn cố đất thì chị T sẽ trả 450.000.000 đồng và nhận lại phần đất. Do không đủ tiền 300.000.000 đồng nên anh K đã hẹn lại vài tuần sau giao tiền, khi chuẩn bị xong anh K liên hệ thì chị T xác định không cố phần đất này nữa nên các bên không thực hiện giao dịch cầm cố phần đất. Quá trình thỏa thuận việc cầm cố phần đất, anh K đã ghi âm và chị T thừa nhận còn thiếu số tiền 150.000.000 đồng.

Do vậy, anh K yêu cầu chị Nguyễn Kim T cùng hàng thừa kế thứ nhất của anh V gồm: Ông Tiêu Minh T1, bà Trần Thị Đ (cha, mẹ ruột) cùng với chị T, cháu Tiêu Khuê Gia M và Tiêu Khuê Gia H liên đới trả lại số tiền 150.000.000 đồng.

** Lời trình bày của chị Nguyễn Kim T tại phiên tòa thể hiện*: Chị không thừa nhận có mượn anh K, chị P số tiền 150.000.000 đồng. Nếu anh K có chứng cứ chứng minh đã cho mượn thì chị đồng ý trả số tiền này.

** Trình bày của chị Tiêu Kiều P tại phiên tòa thể hiện*: Anh V, chị T có

mượn của chị và anh K số tiền như anh K đã trình bày. Chị yêu cầu chị T cùng hàng thừa kế thứ nhất của anh V trả lại số tiền trên.

** Lời trình bày của chị Tiêu Ngọc Đ1 – người đại diện theo ủy quyền của ông T1 và bà Đ thể hiện*: Với tư cách là đại diện theo ủy quyền của ông T1, bà Đ (cha mẹ của anh V) thống nhất cùng các hàng thừa kế thứ nhất dùng số di sản của anh V trả số tiền cho anh K đối với phần nghĩa vụ của anh V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã mở file ghi âm do anh Đào Tuấn K cung cấp, chị Nguyễn Kim T thừa nhận giọng nói trong hội thoại là của chị, việc thừa nhận thiếu anh K số tiền 150.000.000 đồng là có sự sắp đặt từ phía gia đình của anh Tiêu Quốc V. Cụ thể, do trước đây khi anh V còn sống có hùn sang phần đất cùng với anh Tiêu Phú Đ (em trai anh V), sau đó anh Đ làm thủ tục và đứng tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi anh V chết, do bị áp lực từ phía anh Đ nên chị thừa nhận thiếu tiền anh K thì anh Đ mới đồng ý cắt phần đất anh V đã cùng sang nhượng trước đây cho chị đứng tên, hiện nay chị đã làm thủ tục tách Giấy chứng nhận xong. Chị không yêu cầu giám định và chuyển đoạn ghi âm thành văn bản mà yêu cầu Tòa án xác minh việc thời gian rút tiền tại Ngân hàng và việc giao tiền theo trình bày của anh K.

Xét thấy, theo khoản 1 Điều 102 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: *"Đương sự có quyền yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định hoặc tự mình yêu cầu giám định sau khi đã đề nghị Tòa án trưng cầu giám định nhưng Tòa án từ chối yêu cầu của đương sự. Quyền tự yêu cầu giám định được thực hiện trước khi Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục sơ thẩm, quyết định mở phiên họp giải quyết việc dân sự"*.

Trong vụ án này, Tòa án đã triệu tập các đương sự để tham gia phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng qua hai lần triệu tập thì chị T đều vắng mặt không có lý do; mặt khác, tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã giải thích quyền và nghĩa vụ để chị T thực hiện quyền yêu cầu trưng cầu giám định nhưng chị T không yêu cầu và yêu cầu xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không tiến hành trưng cầu giám định giọng nói và chuyển file giọng nói thành văn bản để giải quyết vụ án.

Theo quy định của pháp luật: Đương sự có nghĩa vụ đưa ra các chứng cứ chứng minh, nếu đương sự không đưa ra các chứng cứ chứng minh hoặc đưa ra các chứng cứ chứng minh không đầy đủ thì tự chịu hậu quả của việc không chứng minh hoặc chứng minh không đầy đủ đó. Do vậy, đối với các yêu cầu của chị T đưa ra tại phiên tòa không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Tại file ghi âm tại đoạn 13 phút 58 giây thể hiện giọng nói của chị T "… chị đã thiếu của dượng một trăm rưỡi, ngân hàng hai trăm rưỡi, giấy tờ rành rành là bốn trăm….".

Tại phiên tòa, chị T thừa nhận có nói câu nói trên nhưng do bị áp lực từ phía anh Tiêu Phú Đ, nếu không thừa nhận thì anh Đ sẽ không đồng ý giao đất. Ngoài lời trình bày trên thì chị T không đưa ra được tài liệu, chứng cứ để chứng minh về việc buộc phải thừa nhận số tiền thiếu của anh K. Mặt khác, đối với việc hùn hạp sang nhượng đất giữa anh V và anh Đ trước đây cũng như việc thỏa thuận phân chia phần đất chuyển nhượng sau khi anh V chết là do chị T với anh Đỉnh không liên quan đến việc mượn tiền của anh K; trường hợp không thỏa thuận được thì có quyền yêu cầu đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết.

Do đó, không có căn cứ chấp nhận lời trình bày của chị T về vấn đề này.

Do vậy, việc anh K xác định cho anh V, chị T mượn số tiền 150.000.000 đồng là có căn cứ nên phải có nghĩa vụ hoàn trả lại là phù hợp

[3] Xét về nghĩa vụ thanh toán:

Do đây là khoản nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân của chị T và anh V nên chị T cùng có trách nhiệm liên đới về nghĩa vụ đối với các giao dịch do anh V thực hiện theo quy định tại các điều 27, 30 và 37 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Theo Giấy chứng tử của Ủy ban nhân dân thị trấn Đầm Dơi thể hiện anh V đã chết vào ngày 23/11/2018 nên các đồng thừa kế thứ nhất của anh V phải có nghĩa vụ cùng với chị T theo quy định tại Điều 615 của Bộ luật Dân sự.

Do đó, anh K yêu cầu chị T cùng hàng thừa kế thứ nhất của anh V gồm: Ông Tiêu Minh T1, bà Trần Thị Đ (cha, mẹ ruột), chị T, cháu Tiêu Khuê Gia M và Tiêu Khuê Gia H liên đới trả số tiền 150.000.000 đồng là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Các vấn đề khác các đương sự không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: Theo khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị T cùng anh V phải chịu là: 150.000.000 đồng x 5% = 7.500.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 102 và khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự**;** các điều 463, 466 và 615 của Bộ luật Dân sự; các điều 27, 30 và 37 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đào Tuấn K. Buộc chị Nguyễn Kim T và anh Tiêu Quốc V trả cho anh K và chị Tiêu Kiều P số tiền 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng).

Do anh V đã chết nên các đồng hàng thừa kế thứ nhất gồm: Ông Tiêu Minh T1, bà Trần Thị Đ, chị T, cháu Tiêu Khuê Gia M và cháu Tiêu Khuê Gia H phải thực hiện nghĩa vụ của anh V trong phạm vi di sản do anh V để lại.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của anh K cho đến khi thi hành án xong khoản tiền, thì hàng tháng chị T và những người T hàng thừa kế thứ nhất của anh V còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Chị Nguyễn Kim T, anh Tiêu Quốc V phải chịu 7.500.000 đồng (bảy triệu năm trăm nghìn đồng) (chưa nộp).

Do anh V đã chết nên các đồng hàng thừa kế thứ nhất gồm: Ông T1, bà Đ, chị T, cháu Gia M và cháu Gia H phải thực hiện nghĩa vụ chịu án phí của anh V trong phạm vi di sản do anh V để lại.

- Hoàn trả cho anh K số tiền 3.750.000 đồng (ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) đã nộp tạm ứng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009341 ngày 18/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Văn Càn

Nơi nhận:
- Tòa án nH dân tỉnh Cà Mau;
- Viển kiểm sát nH dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.